ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG TRUNG CẤP ĐÔNG SÀI GÒN

Địa chỉ: 2/38 Lê Văn Việt khu phố 2, phường Hiệp Phú, Tp.Thủ Đức
Điện thoại: 028.3896.6643.
Email: tcndsg.edu@gmail.com
Website: https://dsgc.edu.vn

BÁO CÁO
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
NĂM 2022

Thành phố Thủ Đức, tháng 12 năm 2022

MỤC LỤC

		Trang
	CÁC TỪ VIẾT TẮT	2
PHẦN I.	**GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG**	3
1	Thông tin chung về trường .	3
2	Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của trường.	3
3	Cơ cấu tổ chức và nhân sự của trường.	4
4	Các nghề đào tạo và quy mô đào tạo của trường	6
5	Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính.	7
PHẦN II.	**KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA TRƯỜNG**	9
1	Đặt vấn đề	9
2	Tổng quan chung	9
2.1	Căn cứ tự đánh giá	9
2.2	Mục đích tự đánh giá	10
2.3	Yêu cầu tự đánh giá	10
2.4	Phương pháp tự đánh giá	10
2.5	Các bước tiến hành tự đánh giá	10
3	Tự đánh giá	11
3.1	Tổng hợp kết quả tự đánh giá	11
3.2	Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn	21
3.2.1	Tiêu chí 1. Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý	21
3.2.2	Tiêu chí 2. Hoạt động đào tạo	28
3.2.3	Tiêu chí 3. Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động	38
3.2.4	Tiêu chí 4. Chương trình và giáo trình	46
3.2.5	Tiêu chí 5. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	54
3.2.6	Tiêu chí 6. Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế	67
3.2.7.	Tiêu chí 7. Quản lý tài chính	69
3.2.8	Tiêu chí 8. Dịch vụ người học	75
3.2.9	Tiêu chí 9. Giám sát, đánh giá chất lượng	80
PHẦN III.	**TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TRƯỜNG**	84
PHẦN IV.	**KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**	88

CÁC TỪ VIẾT TẮT

PTNT	Phát triển nông thôn
HS	Học sinh
CB-VC-GV-NV	Cán bộ-Viên chức-Giáo viên-Nhân viên
GVDG	Giáo viên dạy giỏi
ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
CNTT	Công nghệ thông tin
KHCB	Khoa học cơ bản
SPDN	Sư phạm dạy nghề
KTDN	Kế toán doanh nghiệp
CGKL	Cắt gọt kim loại
NCKH	Nghiên cứu khoa học
ĐCSVN	Đảng Cộng sản Việt Nam

PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ TRƯỜNG.

1.1. Tên trường: **Trường Trung cấp Đông Sài Gòn**.

1.2. Tên Tiếng Anh:

1.3. Cơ quan chủ quản: **Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức**

1.4. Địa chỉ trường:

Trụ sở chính (Cơ sở 1): 2/38 Lê Văn Việt, Khu phố 2, phường Hiệp Phú, Thành phố Thủ Đức.

- *Cơ sở 2*: Số 2 Ngô Quyền, phường Hiệp Phú, Thành phố Thủ Đức.

1.5. Số điện thoại: 028.3896.6643

1.6. E-mail: tcndsg.edu@gmail.vn

1.7. Website : dsgc.edu.vn

1.8. Năm thành lập trường : 2011

- Năm thành lập đầu tiên: 2000
- Năm thành lập trường Trung cấp nghề: 2011
- Năm đổi tên trường Trung cấp: 2021

1.10. Loại hình trường: Công lập ☒ Tư thục ☐

2. THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN VÀ THÀNH TÍCH NỔI BẬT CỦA NHÀ TRƯỜNG.

2. 1. Lịch sử phát triển của nhà trường.

Trường Trung cấp Đông Sài Gòn trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức, tiền thân là Trung tâm dạy nghề Quận 9, được đổi tên từ ngày 21 tháng 05 năm 2021.

Tháng 05 năm 2021, Trường Trung cấp Đông Sài Gòn được đổi tên theo Quyết định số 1857/QĐ-UBND ngày 21 tháng 05 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc cho phép đổi tên Trường Trung cấp Đông Sài Gòn thành Trường Trung cấp Đông Sài.

Trường được giao nhiệm vụ đào tạo trình độ: Trung cấp và sơ cấp (10 nghề trình độ trung cấp, 11 nghề trình độ sơ cấp).

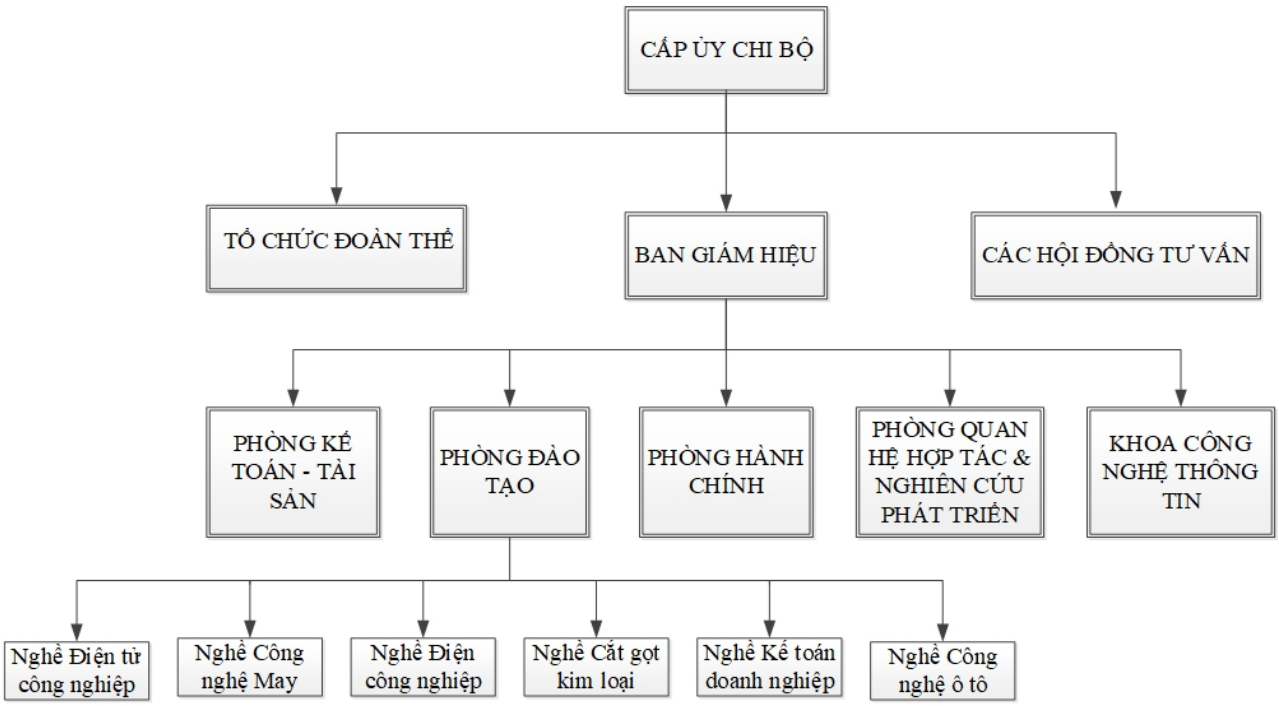
2. 2. Thành tích nổi bật của nhà trường:

Trường Trung cấp Đông Sài Gòn đã xây dựng được đội ngũ cán bộ giáo viên đoàn kết, thống nhất, có kiến thức, có tay nghề cao và tâm huyết với nghề. Nhiều thế hệ HS của trường đã khẳng định được kiến thức, kỹ năng tay nghề trong các doanh nghiệp trong và ngoài ngành ở khắp mọi miền Tổ quốc.

Trong những năm qua, dưới sự lãnh đạo của Cấp ủy chi bộ, Ban Giám hiệu, cùng với sự quan tâm chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức và sự đoàn kết, nhất trí, nỗ lực phấn đấu của tập thể cán bộ, viên chức- giáo viên và học sinh, nhà trường đã hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được cấp trên giao.

3. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ CỦA TRƯỜNG.

3.1. Cơ cấu tổ chức.



3.2. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt.

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, chức vụ
1. Ban Giám hiệu	Đặng Văn Đại	1964	Thạc sĩ	Hiệu trưởng
	Nguyễn Thị Kim Bắc	1977	Thạc sĩ	Phó Hiệu trưởng
	Trần Huyền Vân	1972	Đại học	Phó Hiệu trưởng
2. Các tổ chức Đảng, Đoàn Thanh niên, Công đoàn				
Đảng bộ	Đặng Văn Đại	1964	Thạc sĩ	Bí thư
Công Đoàn	Nguyễn Thùy Dung	1984	Đại học	CT công đoàn
Đoàn Thanh niên	Nguyễn Hà Thu Nguyệt	1995	Đại học	Bí thư
3. Trưởng các phòng chức năng.				
Phòng Hành chính	Trần Nguyễn Trung Dũng	1988	Đại học	Trưởng phòng
Phòng Kế toán – Tài sản	Đặng Văn Đại (Kiêm nhiệm)	1964	Thạc sĩ	Trưởng phòng
Phòng Đào tạo	Trần Thị Tuyết Anh	1981	Đại học	Trưởng phòng
Phòng Quan hệ hợp tác & Nghiên cứu	Nguyễn Thị Kim Bắc (Kiêm nhiệm)	1977	Thạc sĩ	Trưởng phòng

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, chức vụ
phát triển				
4. Trưởng các khoa chuyên môn.				
Khoa CNTT	Phan Văn Liêm	1984	Thạc sĩ	Trưởng khoa

3.3. Tổng số cán bộ, giáo viên và nhân viên của trường: 22

- Nam: 09 - Nữ: 13

3.4. Đội ngũ giáo viên: 44

- Cơ hữu: 10 - Thỉnh giảng: 34

Giáo viên cơ hữu			
Trình độ đào tạo	**Nam**	**Nữ**	**Tổng số**
Tiến sĩ			
Thạc sĩ- Cao học	02	02	04
Đại học	02	04	06
Cao đẳng	00	00	00
Trung cấp	00	00	00
Công nhân bậc 5/7 trở lên	00	00	00
Trình độ khác	00	00	00
Tổng số	**04**	**06**	**10**

4. CÁC NGHỀ ĐÀO TẠO VÀ QUY MÔ ĐÀO TẠO CỦA TRƯỜNG.

4.1. Các nghề đào tạo và quy mô tuyển sinh của trường theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề đã được cấp.

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Quy mô tuyển sinh	Ghi chú
1	Điện Công nghiệp	Trung cấp	60	
2	Điện tử Công nghiệp	Trung cấp	40	
3	Công nghệ Ô tô	Trung cấp	40	
4	Cắt gọt Kim loại	Trung cấp	60	
5	May Thời Trang	Trung cấp	40	
6	Quản trị mạng máy tính	Trung cấp	60	
7	Kế toán Doanh nghiệp	Trung cấp	70	
	Công nghệ thông tin	Trung cấp		
	Thiết kế đồ họa	Trung cấp		

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Quy mô tuyển sinh	Ghi chú
	Kỹ thuật chế biến món ăn	Trung cấp		

4.2. Số lượng học sinh, sinh viên.

Trình độ đào tạo	Năm	
	2021	**2022**
1. Trung cấp		
Điện Công nghiệp	36	103
Điện tử Công nghiệp	04	06
Công nghệ Ô tô	38	39
Cắt gọt Kim loại	49	27
May Thời Trang	22	2
Quản trị mạng máy tính	124	3
Kế toán Doanh nghiệp	01	05
Công nghệ thông tin		141
Kỹ thuật chế biến món ăn		13
Thiết kế đồ họa		12
Tổng cộng:	**274**	**274**
2. Sơ cấp	**Năm 2022**	
Kỹ thuật may	00	
Điện công nghiệp – dân dụng	00	
Điện tử dân dụng	00	
Kỹ thuật Hàn 3G	00	
Kỹ Thuật Phay CNC	00	
Kỹ thuật Tiện	00	
Kỹ thuật máy tính văn phòng	00	
Quản trị mạng máy tính	00	
Tổng cộng:	**00**	

4.3. Tổng số học sinh đăng ký thi vào trường, số học sinh trúng tuyển và nhập học trong 2 năm gần đây nhất:(chỉ tính đào tạo chính quy).

Năm học	Số đăng ký	Số trúng tuyển	Số nhập học	Ghi chú
2021 - 2022	274	274	274	
2022 - 2023	410	352	300	

5. CƠ SỞ VẬT CHẤT, THƯ VIỆN, TÀI CHÍNH.

5.1. Cơ sở vật chất.

a) Trụ sở chính (Cơ sở 1): 2/38 Lê Văn Việt, Khu phố 2, phường Hiệp Phú, thành phố Thủ Đức, Tp. HCM.

*** Diện tích đất:**

- Tổng diện tích đất: 4.903,2 m^2, trong đó:

+ Diện tích xây dựng: 3.921,2 m^2

*** Diện tích hạng mục và công trình.**

TT	Hạng mục, công trình	Tổng diện tích (m^2)	Đã xây dựng (m^2)	Đang xây dựng (m^2)
1	Khối văn phòng (Trệt và lầu)	1.872	1.872	-
2	Khối Thực hành	1.132,5	1.132,5	-
3	Khối Hội trường và SC ô tô	647,7	647,7	-
4	Nhà giữ xe Học sinh, phòng ghi danh	269	269	-
	Tổng	3.921,2	3.921,2	

b) Cơ sở 2: 2 Ngô Quyền

*** Diện tích đất:**

- Tổng diện tích đất: 117 m^2, trong đó:

+ Diện tích xây dựng: 129,1 m^2

*** Diện tích hạng mục và công trình.**

TT	Hạng mục, công trình	Tổng diện tích (m^2)	Đã xây dựng (m^2)	Đang xây dựng (m^2)
1	Phòng 1 (tầng trệt)	37	37	
2	Phòng 2 (tầng trệt)	15	15	
3	Phòng 3 (tầng lầu)	15	15	
4	Phòng 4 (tầng lầu)	20	20	
5	Nhà vệ sinh	6	6	
6	Sân hành lang, lối đi	36,1	36,1	
	Tổng	**129,1**	**129,1**	

5.2. Tổng kinh phí đào tạo trong 2 năm trở lại đây.

TT	Nội dung	Năm 2020	Năm 2021
1	Ngân sách nhà nước cấp	6.156.000.000	6.617.000.000
2	Thu học phí	1.905.000.000	2.974.300.000
3	Thu các nguồn khác	1.031.620.000	1.153.700.000
	Tổng cộng:	**9.092.620.000**	**10.745.000.000**

5.3. Tổng số máy tính của trường: 94

- Dùng cho văn phòng: 14
- Dùng cho học sinh học tập: 80

PHẦN II: KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA TRƯỜNG

1. Đặt vấn đề.

1.1. Sự cần thiết của hoạt động tự đánh giá chất lượng.

Chất lượng giáo dục nghề nghiệp là một vấn đề được Trường Trung cấp Đông Sài Gòn hết sức quan tâm. Ngày nay xu thế toàn cầu hoá, hội nhập kinh tế quốc tế đang tác động đến tất cả các lĩnh vực của đời sống, mang lại cả cơ hội và thách thức đối với không chỉ mỗi quốc gia mà ngay cả đối với mỗi cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Trong đó, sự cạnh tranh giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngày càng trở nên quyết liệt, gay gắt. Lợi thế cạnh tranh sẽ thuộc về cơ sở giáo dục nghề nghiệp nào có chất lượng cao.

Chất lượng giáo dục nghề nghiệp đang là vấn đề thu hút được sự quan tâm của các nhà quản lý, các doanh nghiệp, của phụ huynh, cũng như người học và toàn xã hội. Ý thức được vấn đề đó, Nhà trường đã tiến hành thực hiện tự đánh giá, qua đó có thể nhận ra các mặt mạnh, mặt yếu để từ đó xây dựng kế hoạch và các biện pháp cải tiến nhằm đáp ứng mục tiêu giáo dục nghề nghiệp mà nhà trường đã đề ra. Tự đánh giá không chỉ tạo cơ sở cho công tác kiểm định mà qua đó nhà trường còn thể hiện được tính tự chủ và tính tự chịu trách nhiệm trong toàn bộ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, dịch vụ xã hội,... theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp mục tiêu của trường.

1.2. Vai trò của hoạt động tự đánh giá chất lượng.

Hoạt động tự đánh giá giáo dục nghề nghiệp là một hoạt động có vai trò và ý nghĩa to lớn đối với Trường Trung cấp Đông Sài Gòn. Thông qua hoạt động tự đánh giá sẽ giúp nhà trường có điều kiện đánh giá lại hoạt động của trường một cách toàn diện, đầy đủ thông qua việc xem xét và xây dựng báo cáo tự đánh giá, nâng cao năng lực hoạt động của mình để tiến tới xây dựng một cơ sở giáo dục nghề nghiệp có chất lượng cao. Thông qua hoạt động kiểm định chất lượng, thương hiệu, uy tín của Nhà trường sẽ được xã hội biết đến và thừa nhận. Đây là dịp để Nhà trường tự đánh giá một cách toàn diện các hoạt động theo hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn thống nhất. Từ kết quả tự đánh giá và đánh giá bên ngoài, lãnh đạo cùng toàn thể CBVC trong Nhà trường sẽ nhận thức đầy đủ hơn và khách quan hơn về mức độ chất lượng các hoạt động đạt được, cũng như các tồn tại để xây dựng kế hoạch và giải pháp khắc phục sớm nhất nhằm đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy nghề.

2. Tổng quan chung.

2.1. Căn cứ tự đánh giá.

- Quy trình tự đánh giá chất lượng Giáo dục nghề nghiệp quy định tại Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động –Thương binh và Xã hội.

- Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường trung cấp ban hành theo Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/06/2017 của Bộ trưởng BLĐTBXH.

- Công văn 453/TCDN-KĐCL ngày 25/03/2019 của Tổng cục Giáo dục Dạy nghề về việc hướng dẫn đánh giá các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường Trung cấp, Cao đẳng.

2.2. Mục đích tự đánh giá.

- Tổ chức tự đánh giá, xác định mức độ thực hiện mục tiêu, chương trình, nội dung dạy nghề, cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hành, dịch vụ cho người học của Nhà trường và các điều kiện, phương thức học tập của HS, giảng dạy của giáo viên so với bộ tiêu chí.

- Xác định mức độ đạt được của Nhà trường thông qua việc đối chiếu, so sánh với các yêu cầu của bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp của Trường.

- Phát hiện các điểm không phù hợp cần cải thiện trong thời gian ngắn, trung, dài hạn, qua đó giúp Trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng Trường trở thành cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao; thương hiệu và uy tín của Nhà trường được xã hội biết đến và thừa nhận.

2.3. Yêu cầu tự đánh giá.

Tự đánh giá là một quá trình liên tục, đòi hỏi nhiều công sức, thời gian, phải có sự tham gia của nhiều đơn vị và cá nhân trong toàn trường. Hoạt động tự kiểm định đòi hỏi tính khách quan, trung thực, minh bạch và công khai. Các giải thích, nhận định, kết luận đưa ra trong quá trình tự kiểm định theo các tiêu chí, tiêu chuẩn phải dựa trên các minh chứng cụ thể, rõ ràng, đảm bảo độ tin cậy, phù hợp với nội hàm từng tiêu chuẩn.

2.4. Phương pháp tự đánh giá.

- Nghiên cứu bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng Trường Trung cấp do Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội ban hành, và các tài liệu, hồ sơ minh chứng kèm theo.

- Thu thập thông tin, rà soát các hoạt động của Trường và những chứng cứ để chứng minh.

- Khảo sát thực tế, thảo luận, lấy ý kiến với các đơn vị, cán bộ quản lý, giáo viên, người học và người sử dụng lao động.

2.5. Các bước tiến hành tự đánh giá.

a. Chuẩn bị tự đánh giá chất lượng Giáo dục nghề nghiệp.

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng của trường

- Phê duyệt kế hoạch tự đánh giá chất lượng GDNN của trường

b. Thực hiện tự đánh giá chất lượng GDNN của Phòng đào tạo và các phòng ban trong nhà trường.

- Thu thập thông tin, minh chứng về từng hoạt động và kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của nhà trường.

- Đánh giá, xác định mức độ đạt được theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng GDNN có liên quan; phân tích, chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân; đề xuất kế hoạch nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của nhà trường.

- Viết báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng dạy nghề của nhà trường.

c. Thực hiện tự đánh giá chất lượng GDNN của Hội đồng tự đánh giá chất lượng GDNN.

- Hướng dẫn các phòng ban trong Trường thực hiện tự đánh giá chất lượng GDNN và viết báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng dạy nghề của nhà trường.

- Nghiên cứu báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng GDNN của các phòng ban.

- Tổng hợp thông tin, minh chứng theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng GDNN.

- Kiểm tra thực tế, thu thập thêm thông tin, minh chứng theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng GDNN.

- Đối chiếu với hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng dạy nghề, đánh giá, xác định mức độ đạt được của từng chỉ số, tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng dạy nghề; chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân; đề xuất kế hoạch nhằm nâng cao chất lượng dạy nghề.

- Viết dự thảo báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng GDNN của trường, gửi các phòng ban trong trường để lấy ý kiến.

- Hoàn chỉnh báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng GDNN của trường.

d. Công bố báo cáo kết quả tự kiểm định chất lường dạy nghề và gửi báo cáo kết quả tự đánh giá cho Cục kiểm định chất lượng GDNN.

3. Tự đánh giá.

3.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá.

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá
	Tổng điểm	**100**	**90**
1	**Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý**	**12**	**10**
	Tiêu chuẩn 1.1: Mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định cụ thể với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai.	1	1
	Tiêu chuẩn 1.2: Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp.	1	1
	Tiêu chuẩn 1.3: Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 1.4: Hàng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện điều chỉnh nếu cần thiết.	1	1

	Tiêu chuẩn 1.5: Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành, nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường.	1	1
	Tiêu chuẩn 1.6: Hội đồng trường hoặc hội đồng quản trị, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả.	1	1
	Tiêu chuẩn 1.7: Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định.	1	0
	Tiêu chuẩn 1.8: Trường có bộ phận phụ trách thự hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hàng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao.	1	0
	Tiêu chuẩn 1.9: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy đư ợc vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.	1	1
	Tiêu chuẩn 1.10: Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.	1	1
	Tiêu chuẩn 1.11: Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hàng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát.	1	1
	Tiêu chuẩn 1.12: Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định.	1	1
2	**Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo**	**17**	**14**
	Tiêu chuẩn 2.1: Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.2: Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.3: Hàng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.4: Thực hiện đa dạng hoá các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học.	1	1

	Tiêu chuẩn 2.5: Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô-đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định..	1	1
	Tiêu chuẩn 2.6: Trường tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.7: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.8: Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.9: Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.10: Hàng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.11: Hàng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết.	1	0
	Tiêu chuẩn 2.12: Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.13: Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.14: Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.15: Hàng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.16: Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định.	1	0
	Tiêu chuẩn 2.17: Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả.	1	0

3	**Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động.**	**15**	**12**
	Tiêu chuẩn 3.1: Có quy định về tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.2: Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.3: Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có.	1	0
	Tiêu chuẩn 3.4: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.5: Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.6: Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.7: Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.8: Hàng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo.	1	0
	Tiêu chuẩn 3.9: Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.10: Hàng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo.	1	0
	Tiêu chuẩn 3.11: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao.	1	1

	Tiêu chuẩn 3.12: Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.13: Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.14: Hàng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.15: Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ.	1	1
4	**Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình**	**15**	**15**
	Tiêu chuẩn 4.1: Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 4.2: 100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định .	1	1
	Tiêu chuẩn 4.3: Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dụng, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 4.4: Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
	Tiêu chuẩn 4.5: Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động.	1	1
	Tiêu chuẩn 4.6: Chương trình đào tạo được xây dựng đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 4.7: Ít nhất 3 năm một lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với chương trình đào tạo đã ban hành.	1	1
	Tiêu chuẩn 4.8: Chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.	1	1
	Tiêu chuẩn 4.9: Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học.	1	1

	Tiêu chuẩn 4.10: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của từng chương trình đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 4.11: 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.	1	1
	Tiêu chuẩn 4.12: Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 4.13: Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	1	1
	Tiêu chuẩn 4.14: Hàng năm trường thực hiện lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
	Tiêu chuẩn 4.15: Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định.	1	1
5	**Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện**	**15**	**15**
	Tiêu chuẩn 5.1: Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
	Tiêu chuẩn 5.2: Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 5.3: Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học, nhà giáo.	1	1
	Tiêu chuẩn 5.4: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy, chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy	1	1

	định.		
	Tiêu chuẩn 5.5: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 5.6: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 5.7: Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành.	1	1
	Tiêu chuẩn 5.8: Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó.	1	1
	Tiêu chuẩn 5.9: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí vị hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.	1	1
	Tiêu chuẩn 5.10: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 5.11: Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và nhà sản xuất; hàng năm đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 5.12: Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí, sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng.	1	1
	Tiêu chuẩn 5.13: Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in.	1	1

	Tiêu chuẩn 5.14: Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học.	1	1
	Tiêu chuẩn 5.15: Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	1	1
6	**Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế .**	**5**	**5**
	Tiêu chuẩn 6.1: Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 6.2: Hàng năm, trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường trung cấp, ít nhất 02 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng).	1	1
	Tiêu chuẩn 6.3: Hàng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.	1	1
	Tiêu chuẩn 6.4: Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn.	1	1
	Tiêu chuẩn 6.5: Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.	1	1
7	**Tiêu chí 7: Quản lý tài chính**	**6**	**6**
	Tiêu chuẩn 7.1: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai.	1	1
	Tiêu chuẩn 7.2: Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 7.3: Trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động của trường.	1	1
	Tiêu chuẩn 7.4: Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 7.5: Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực	1	1

	hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định.		
	Tiêu chuẩn 7.6: Hàng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường.	1	1
8	**Tiêu chí 8: Dịch vụ người học**	**9**	**7**
	Tiêu chuẩn 8.1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 8.2: Người học được hưởng các chế độ chính sách theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 8.3: Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập.	1	1
	Tiêu chuẩn 8.4: Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.	1	1
	Tiêu chuẩn 8.5: Ký túc xá đảm bảo đủ di ện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tâp của người học.	1	0
	Tiêu chuẩn 8.6: Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an to àn vệ sinh thực phẩm.	1	0
	Tiêu chuẩn 8.7: Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường.	1	1
	Tiêu chuẩn 8.8: Trường thực hiện tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	1	1
	Tiêu chuẩn 8.9: Hàng năm, trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng.	1	1
9	**Tiêu chí 9: Giám sát, đánh giá chất lượng.**	**6**	**6**
	Tiêu chuẩn 9.1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	1	1
	Tiêu chuẩn 9.2: Hàng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học,	1	1

	chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.		
	Tiêu chuẩn 9.3: Hàng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện các chính sách liên quan đến người học của trường.	1	1
	Tiêu chuẩn 9.4: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 9.5: Hàng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có.	1	1
	Tiêu chuẩn 9.6: Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.	1	1

3.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn.

3.2.1. Tiêu chí 1. Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý.

Đánh giá tổng quát tiêu chí 1:

Trường Trung cấp Đông Sài Gòn đã xác định rõ mục tiêu phát triển nhà trường là: Đổi mới cơ bản và toàn diện đảm bảo mang lại điều kiện làm việc thuận lợi, phát huy cao độ trí tuệ, năng lực cán bộ, giáo viên nhà trường cho sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực công nghiệp; tạo điều kiện thuận lợi cho người học để không ngừng nâng cao chất lượng học tập với những kỹ năng tiên tiến hiện đại và những kiến thức cần thiết để tiến thân lập nghiệp; phấn đấu trở thành trường trung cấp nghề trọng điểm tiếp cận trình độ khu vực và quốc tế về đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao cho CNH, HĐH; phát triển thương hiệu "Trường Trung cấp nghề Đông Sài gòn" rộng rãi trong cả nước.

Cơ cấu tổ chức của nhà trường được thực hiện theo Văn bản hợp nhất số 1310/VBHN-BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ngày 05 tháng 04 năm 2019 Thông tư Quy định về điều lệ trường Trung cấp.

Cơ cấu tổ chức của nhà trường bao gồm: Ban giám hiệu, 4 phòng chức năng, 1 khoa chuyên ngành và 4 bộ môn. Hoạt động của trường có sự lãnh chỉ đạo của Cấp ủy chi bộ và sự tham gia của các đoàn thể đáp ứng được các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển của trường và hoạt động có hiệu quả.

Trong tổ chức và quản lý, nhà trường thực hiện theo Văn bản hợp nhất 18/VBHN-VPQH ngày 05 tháng 07 năm 2019 hợp nhất Luật Giáo dục nghề nghiệp do Văn phòng Quốc hội ban hành và; Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 06 năm 2021 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và nhiều văn bản pháp quy khác.

Cấp ủy Đảng thể hiện vai trò lãnh đạo của tổ chức Đảng trong Nhà trường, có phân công, tập trung chỉ đạo theo nghị quyết; lãnh đạo các tổ chức đoàn thể trong Trường hoạt động có hiệu quả, góp phần tích cực vào nhiệm vụ chính trị Nhà trường.